

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm  
về sử dụng biên chế và quản lý hành chính đối với cơ quan  
hành chính nhà nước năm 2020**

**CHỦ TỊCH UBND HUYỆN THƯỜNG XUÂN**

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương số: 77/2015/QH13 ban hành ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ; Thông tư liên tịch số 03/2006/TTLT-BTC-BNV ngày 17/01/2006 của liên Bộ Tài chính – Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và quản lý hành chính đối với cơ quan hành chính nhà nước năm 2014; Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị quyết số 105/NQ-HĐND ngày 17 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân huyện Thường Xuân khóa XX, kỳ họp thứ 9 về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách cấp huyện năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 2985/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2019 của UBND huyện Thường Xuân về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách cấp huyện năm 2020;

Xét đề nghị của Phòng Tài chính – Kế hoạch, Phòng Nội vụ tại Tờ trình số ~~728~~/TTr-TCKH-NV ngày 20 tháng 12 năm 2019 về việc giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và quản lý hành chính đối với cơ quan hành chính nhà nước,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và quản lý hành chính đối với cơ quan hành chính nhà nước theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005, Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013 của Chính phủ đối với cơ quan nhà nước năm 2020, cụ thể như sau:

1. Cơ quan, đơn vị hành chính nhà nước thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về biên chế và kinh phí quản lý hành chính: 23 đơn vị.



(Có phụ biểu chi tiết kèm theo)

2. Các đơn vị do ngân sách nhà nước đảm bảo 100% kinh phí hoạt động thường xuyên, đơn vị được quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm quản lý, sử dụng kinh phí và biên chế trong tổng số được cấp có thẩm quyền giao.

**Điều 2.** Giao Phòng Tài chính – Kế hoạch, Phòng Nội vụ theo chức năng, nhiệm vụ được giao có văn bản hướng dẫn cụ thể cho các đơn vị sự nghiệp công lập theo các quy định hiện hành; giải quyết kịp thời những vướng mắc, hoặc đề xuất trình Chủ tịch UBND huyện giải quyết theo thẩm quyền; tổng hợp báo cáo định kỳ kết quả thực hiện về UBND huyện.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND - UBND huyện, Trưởng Phòng Tài chính - Kế hoạch, Giám đốc KBNN huyện, Thủ trưởng các đơn vị, ban ngành liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Sở Tài chính ( để báo cáo);
- TT Huyện ủy ( để báo cáo);
- TT HĐND huyện ( để báo cáo);
- Lưu: VT, TCKH.



**Cầm Bá Xuân**



Phụ biểu:

**CÁC ĐƠN VỊ ĐƯỢC GIAO QUYỀN TƯ CHỦ THEO NĐ 130 NĂM 2020**  
(Kèm theo Quyết định số: 2998/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của UBND huyện Thường Xuân)

Đơn vị tính: 1.000 đồng.

Số TT	Tên cơ quan, đơn vị	Tổng kinh phí giao chi năm 2018	Trong đó: Chi thường xuyên
A	B	1	2
<b>I</b>	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>129.784.155</b>	<b>129.784.155</b>
1	Văn phòng UBND huyện	11.069.121	11.069.121
2	Văn phòng HĐND	2.924.106	2.924.106
3	Mặt trận tổ quốc	962.832	962.832
4	Hội Cựu chiến binh	617.850	617.850
5	Hội Nông dân	830.998	830.998
6	Hội Phụ nữ	833.448	833.448
7	Huyện Đoàn	756.248	756.248
8	Bát Mọt	7.181.722	7.181.722
9	Yên Nhân	7.167.055	7.167.055
10	Lương Sơn	6.331.088	6.331.088
11	Ngọc Phụng	6.456.329	6.456.329
12	Vạn Xuân	6.590.542	6.590.542
13	Xuân Lạ	6.646.604	6.646.604
14	Xuân Chính	6.072.258	6.072.258
15	Xuân Lộc	6.618.136	6.618.136
16	Xuân Thắng	7.066.031	7.066.031
17	Tân Thành	6.666.885	6.666.885
18	Luận Khê	7.376.382	7.376.382
19	Luận Thành	9.803.683	9.803.683
20	Xuân Cao	6.752.944	6.752.944
21	Thọ Thanh	6.176.755	6.176.755
22	Xuân Dương	5.792.350	5.792.350
23	Thị Trấn	9.090.788	9.090.788